Chi tiết mã HS 3920

Mã HS	3920
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 15:09:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3920/

53 dòng thuế thuộc 3920

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.10.11	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ etylen: / - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - Loại cứng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.10.19	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ etylen: / - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.10.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ etylen: / - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.20.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ propylen: / - - Màng polypropylen định hướng hai chiều (BOPP) (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.20.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ propylen: / - - Loại khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.20.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ propylen: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.30.20	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ styren: / - - Tấm Acrylonitril butadien styren (ABS) sử dụng trong sản xuất tủ lạnh	kg/m2/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.30.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ styren: / - - Loại khác: / - - - Dạng tấm và phiến, loại cứng(SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.30.92	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ styren: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.30.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ styren: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.43.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ vinyl clorua: / - - Có hàm lượng chất hóa dẻo không dưới 6% tính theo trọng lượng: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.43.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ vinyl clorua: / - - Có hàm lượng chất hóa dẻo không dưới 6% tính theo trọng lượng: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.49.00	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ vinyl clorua: / - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.51.11	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Từ poly(metyl metacrylat): / - - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - - Loại cứng(SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.51.19	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Từ poly(metyl metacrylat): / - - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.51.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Từ poly(metyl metacrylat): / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.59.11	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Loại khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - - Loại cứng(SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.59.19	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Loại khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN): / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.59.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme acrylic: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.61.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polycarbonat: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.61.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polycarbonat: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.62.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ poly(etylen terephtalat): / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.62.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ poly(etylen terephtalat): / - - - Loại khác: / - - - - Màng bảo vệ chắn ánh sáng mặt trời (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.62.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ poly(etylen terephtalat): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.63.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polyeste chưa no: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.63.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polyeste chưa no: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.69.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polyeste khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.69.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ các polyeste khác: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.71.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Màng xenlophan	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.71.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng phiến (sheets) đã in	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.71.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.73.00	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ xenlulo axetat	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.79.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Từ nitrocellulose (thuốc nổ bông)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.79.20	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Từ sợi lưu hóa	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.79.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.79.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.91.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ poly(vinyl butyral): / - - - Màng dùng làm kính an toàn, độ dày trên 0,38 mm nhưng không quá 0,76 mm, và chiều rộng không quá 2 m	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.91.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ poly(vinyl butyral): / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.91.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ poly(vinyl butyral): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.92.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ các polyamide: / - - - Từ polyamide-6	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.92.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ các polyamide: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.92.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ các polyamide: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.93.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa amino: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.93.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa amino: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.94.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa phenolic: / - - - Dạng tấm phenol formaldehyt (bakelit)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3920.94.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa phenolic: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.94.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa phenolic: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Từ protein đã được làm cứng; từ dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.21	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Từ các polyme trùng hợp: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.29	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Từ các polyme trùng hợp: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.31	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.39	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3920.99.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ plastic khác: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.